

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN D  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 30-8-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Quang Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Thanh Giản

Bà Trịnh Thị Anh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 350/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thu Trang; nơi ĐKKHKT: Tổ 11, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 1159, đường Phạm Văn Đ, khu Tân Lập, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T; nơi cư trú: Tổ 11, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Thu T trình bày:

Chị và anh Trần Văn T tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 6 năm 2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh T ở phường H khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau, vợ chồng thiếu sự quan tâm chia sẻ, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay chị Txét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Phú T sinh ngày 21-02-2015, chị Tcó nguyện vọng được nuôi con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn T trình bày anh đồng ý ly hôn nhưng do công việc nên không thể có mặt ở Tòa án để giải quyết, anh đề nghị Tòa án hoãn việc ly hôn 2 tháng để vợ chồng anh suy nghĩ lại.

Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại gia đình và chính quyền địa phương nơi chị Tvà anh T sinh sống thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn và chị Tđã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ cuối năm 2021 đến nay.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Chị Ttrình bày từ sau khi gửi đơn đến Tòa án thì anh T không liên lạc gì với chị, vợ chồng không có bàn bạc gì về việc tạm dừng ly hôn, nhưng chị vẫn cho anh T cơ hội và đề nghị Tòa án tạo điều kiện 2 tháng như đơn đề nghị của anh T. Tuy nhiên hết thời gian 2 tháng mà anh T vẫn không có ý kiến gì nên chị đề nghị tòa án giải quyết vụ án để chị ổn định cuộc sống.

Ngày 29-8-2022 anh T có quan điểm đồng ý ly hôn, giao con chung cho chị Tnuôi, tiền cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung anh và chị Ttự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết có mặt tại phiên tòa để giải quyết việc ly hôn với chị Txong vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Tđược ly hôn anh T. Về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị Trang, giao con chung Trần Phú T cho chị Ttrực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung chị Tkhông yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trịnh Thu Tvà anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng năm 2014; theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Tcó đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết việc ly hôn, anh Trần Văn T hiện đang cư trú tại phường H, quận D, thành phố Hải Phòng nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ các điều 227 và điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Chị Tvà anh T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn càng tăng nên chị Tđã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ qua lời khai của gia đình và chính quyền địa phương xác định: Chị Tvà anh T xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện tại, chị Tvà anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn T, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trờ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, đủ cơ sở xác định hai bên đã vi phạm nghiêm T quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Tvề việc xin ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Phú T sinh ngày 21-02-2015. Khi ly hôn chị đề nghị giao con chung Trần Phú T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Tđang nuôi con, anh T và chị Tđều có quan điểm để chị Tnuôi con chung, mặt khác cháu T cũng có đơn nguyện vọng được ở với mẹ,. Do đó đề nghị của chị Trang, anh T là phù hợp với thực tế, đảm bảo

quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị Tvà anh T chưa có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi chị Tvà anh T có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thu Tlà nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Trịnh Thu Tvà anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 28, điều 35, điều 39, điều 147, điều 207, điều 227, điều 228, ~~điều 238~~ và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thu Tđược ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thu Ttrực tiếp nuôi con chung Trần Phú T sinh ngày 21-02-2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị Tvà anh T chưa có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi chị Tvà anh T có yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Tkhông yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thu Tphải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0002817 ngày 31-3-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng. Chị Trịnh Thu Tđã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thu Tđược quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

***Nơi nhận:***

- VKSND quận D;
- Tòa án NDTP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND P.H,Q.D, Hải Phòng (ĐKKH số 51/2014);
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Quang Trung**

